

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày 22 – 01 – 2024
V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Thanh Phong**

Ông **Đỗ Thanh Tú**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** – Thư ký Tòa án.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp nợ hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc Th**, sinh năm 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Ông **Dương Việt Kh**, sinh năm 1985 (Có mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2023).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông **Tạ Văn X**, sinh năm 1968 (Có mặt).

Bà **Huỳnh Thị Th**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông **Tạ Văn X**, sinh năm 1968 (Có mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2023).

Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2023, và các lời khai tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc Th là ông Dương Việt Kh trình bày:

Ngày 15/01/2012 âm lịch, ông Trần Ngọc Th có tham gia chơi hui do vợ chồng ông Tạ Văn X và bà Huỳnh Thị Th làm chủ hui. Loại hui 5.000.000 đồng, mỗi tháng

khui 01 lần, hụi gồm tổng cộng 48 chân, ông Th tham gia 01 chân. Sau khi khai hụi được 34 lần (tức đến ngày 15/9/2014 âm lịch) thì ông X và bà Th tuyên bố bế hụi. Đến ngày 03/10/2014 âm lịch, ông X và bà Th có làm tờ giao kèo (giấy nợ) thừa nhận còn nợ ông Th số tiền hụi là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và cam kết mỗi tháng trả cho ông Th 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến khi hết nợ. Tuy nhiên, sau khi làm tờ giao kèo thì ông X và bà Th trả nhiều lần cho ông Th đến tháng 02/2019 được tổng cộng là 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng). Số tiền hụi ông X và bà Th còn nợ ông Th là 129.000.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu đồng). Từ tháng 3/2019 đến nay, ông X và bà Th không trả thêm khoản nào cho ông Th.

Nay ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông X và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Th số tiền hụi còn nợ là 129.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ tháng 3/2019 đến tháng 11/2023 là 59.959.200 đồng, tổng cộng là 188.959.200 đồng.

Bị đơn ông Tạ Văn X trình bày tại Biên bản làm việc ngày 05/12/2023, Biên bản hòa giải ngày 25/12/2023 của Tòa án và tại phiên tòa:

Ngày 15/01/2012 âm lịch, ông cùng vợ là bà Huỳnh Thị Th có mở hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, hụi gồm tổng cộng 48 chân, ông Trần Ngọc Th có tham gia 01 chân. Đến ngày 15/9/2014 âm lịch thì vợ chồng ông đình hụi. Khi đó ông và bà Th có làm “Tờ giao kèo (giấy nợ)” với nội dung vợ chồng ông có nợ ông Trần Ngọc Th số tiền hụi là 170.000.000 đồng và cam kết trả 10.000.000 đồng/tháng cho ông Th vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, thời điểm trả nợ tính từ ngày 25/9/2014 âm lịch cho đến khi trả hết nợ. Sau đó, vợ chồng ông đã trả được nhiều lần cho ông Th tổng số tiền là 41.000.000 đồng. Đến khi xảy ra dịch bệnh Covid -19 thì do điều kiện làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông chưa có điều kiện trả nợ tiếp cho ông Th. Nay hoàn cảnh vợ chồng ông quá khó khăn nên ông xin bớt phần tiền lãi, ông thừa nhận ông và bà Th còn nợ tiền hụi của ông Th và đồng ý trả cho ông Th số tiền hụi là 129.000.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu đồng).

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông X và bà Th trả số tiền hụi còn nợ là 129.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 03/2019 đến tháng 11/2019 với lãi suất 10%/năm là 59.959.200 đồng.

Bị đơn ông Tạ Văn X trình bày: Ông và bà Th đồng ý trả cho ông Th số tiền hụi còn nợ là 129.000.000 đồng, ông và bà Th không đồng ý trả lãi cho ông Th do hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn, ông đi làm thuê không có tiền trả nợ hụi gốc nên không thể trả lãi cho ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trần Ngọc Th với bị đơn ông Tạ Văn X và bà Huỳnh Thị Th là “*Tranh chấp nợ hụi*” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Tạ Văn X và bà Huỳnh Thị Th có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung tranh chấp của vụ án như sau:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc Th về việc yêu cầu ông Tạ Văn X và bà Huỳnh Thị Th có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui là 129.000.000 đồng.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định: Ông Th có tham gia dây hui 5.000.000 đồng/tháng do ông X và bà Th làm chủ hui, mở ngày 15/01/2012 âm lịch, tổng cộng có 48 chân, ông Th tham gia 01 chân. Sau khi khai hui được 34 lần (tức đến ngày 15/9/2014 âm lịch) thì ông X và bà Th tuyên bố bế hui. Ngày 03/10/2014 âm lịch, ông X và bà Th có làm “Tờ giao kèo (giấy nợ)” thừa nhận còn nợ ông Th số tiền hui là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và cam kết mỗi tháng trả cho ông Th 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến khi hết nợ. “Tờ giao kèo (giấy nợ)” ngày 03/10/2014 âm lịch có ông Xuyên, bà Th ký và ghi họ tên. Sau khi làm “Tờ giao kèo (giấy nợ)” thì ông X và bà Th trả nợ hui cho ông Th nhiều lần đến tháng 02/2019 được tổng cộng số tiền là 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng). Nay ông Th yêu cầu ông X và bà Th có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui 129.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 03/2019 đến tháng 11/2019 với lãi suất 10%/năm là 59.959.200 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 05/12/2023, biên bản hòa giải ngày 25/12/2023 và tại phiên tòa, ông Xuyên thừa nhận ông và bà Th còn nợ số tiền hui của ông Th là 129.000.000 đồng và ông bà đồng ý thanh toán số tiền hui 129.000.000 đồng cho Thanh, chữ ký trong “Tờ giao kèo (giấy nợ)” là của ông và bà Thủy. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa ông Th với vợ chồng ông X và bà Th có xảy ra giao dịch hui, trên cơ sở thừa nhận của ông Xuyên, có căn cứ xác định số tiền nợ hui 129.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng ông X và bà Th, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th đối với vợ chồng ông X và bà Th về tiền hui, buộc vợ chồng ông X và bà Th thanh toán cho ông Th số tiền hui là 129.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Ông Th yêu cầu ông X và bà Th phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm đối với số tiền hui còn nợ 129.000.000 đồng từ tháng 3/2019 đến tháng 11/2023 là 59.959.200 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 05/12/2023, biên bản hòa giải ngày 25/12/2023 và tại phiên tòa, ông Xuyên không đồng ý trả lãi cho ông Th vì điều kiện làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông chưa có điều kiện trả nợ tiếp cho ông Th, ông xin bớt phần tiền lãi. Hiện tại, ông đi làm thuê không có tiền trả nợ hui gốc nên không thể trả lãi cho ông Th. Như đã phân tích ở trên, ông X và bà Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Th số tiền hui còn nợ là 129.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biểu phường thì: *“Trường hợp đến kỳ mở hộ (hui) mà chủ hộ (hui) không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hộ (hui) cho thành*

viên được lĩnh họ (hụi), thành viên chưa lĩnh họ (hụi) không góp phần họ (hụi) hoặc góp phần họ (hụi) không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Th về việc yêu cầu ông X và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền lãi cho ông Th trên số tiền nợ hụi là 129.000.000 đồng tính từ tháng 03/2019 đến tháng 11/2023. Do ông X và bà Th chậm trả tiền cho ông Th, ông Th và ông Xuyên, bà Th không thỏa thuận lãi suất chậm trả nên căn cứ quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 mức lãi suất 10%/năm là phù hợp, cần được chấp nhận. Số tiền lãi mà ông Th yêu cầu được tính như sau: 129.000.000 đồng x 04 năm 08 tháng x 0,833%/tháng = 59.959.200 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông X và bà Th phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của ông Th được chấp nhận là 188.959.200 đồng với số tiền án phí 9.447.960 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Th không phải chịu án phí. Ông Th thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; Điều 471; khoản 3 Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc Th đối với ông Tạ Văn X và bà Huỳnh Thị Th.

Buộc ông Tạ Văn X và bà Huỳnh Thị Th có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Trần Ngọc Th số tiền là 188.959.200 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu chín trăm năm mươi chín nghìn hai trăm đồng), trong đó số tiền nợ hụi là 129.000.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu đồng), tiền lãi là 59.959.200 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Tạ Văn X và bà Huỳnh Thị Th phải chịu án phí số tiền là 9.447.960 đồng (Chín triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C khi Bản án có hiệu lực.

Ông Trần Ngọc Th không phải chịu án phí. Ông Trần Ngọc Th thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm